



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Bộ phận Quản lý Chất lượng – Phòng Quản lý – Kỹ thuật**
Laboratory: **Quality Management Section – Technical and Management Department**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH phát triển Cao su Hoàng Anh Mang Yang K.**
Organization: **Hoang Anh Mang Yang K. Aphivath Caoutchouc Co., Ltd**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1475**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Hóa, Cơ**
Mechanical, Chemical

Người quản lý:
Laboratory manager: **Nguyễn Quốc Ninh**
Nguyen Quoc Ninh

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày / 11 / 2025 đến ngày 18 / 12 / 2030**

Địa chỉ:
Address: **Số 208, đường 78A, ấp Okanseng, phường Boueng Kanseng, thành phố Banlung, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia**
No. 208, 78A Street, Okanseng hamlet, Boueng Kanseng ward, Banlung city, Ratanakiri province, Kingdom of Cambodia

Địa điểm:
Location: **Quốc lộ 78, xã Pate, huyện Oyadav, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia**
78 street, Pate commune, Oyadav district, Ratanakiri province, Kingdom of Cambodia

Điện thoại/ Tel: **+855. 888338688**

Email: **qldep2019@gmail.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1475

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa, Cơ

Field of testing: Chemical, Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Cao su thiên nhiên Natural rubber	Xác định hàm lượng tạp chất <i>Determination of dirt content</i>	(0,025~0,079) % m/m	TCVN 6089:2016 (ISO 249:2016)
2.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp A <i>Determination of ash content. Method A</i>	(0,29~0,64) % m/m	TCVN 6087:2010 (ISO 247:2006)
3.		Xác định hàm lượng chất bay hơi Phương pháp tủ sấy (Quy trình A) <i>Determination of volatile-matter content. Oven method (Process A)</i>	(0,26~0,59) % m/m	TCVN 6088-1:2014 (ISO 248-1:2011)
4.		Xác định hàm lượng Nitơ Phương pháp bán vi lượng <i>Determination of nitrogen content. Semi-micro method</i>	(0,25~0,32) % m/m	TCVN 6091:2016 (ISO 1656:2014)
5.		Xác định độ dẻo Phương pháp máy đo độ dẻo nhanh <i>Determination of plasticity Rapid plastometer method</i>	(33,3~44,8) đơn vị/ unit	TCVN 8493:2010 (ISO 2007:2007)
6.		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) <i>Determination of plasticity retention index (PRI)</i>	(64,5~81,0) % Wallace	TCVN 8494:2020 (ISO 2930:2017)

Chú thích/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia / Vietnam National standard
- ISO: International Organization for Standardization
- Trường hợp Công ty TNHH phát triển Cao su Hoàng Anh Mang Yang K. cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH phát triển Cao su Hoàng Anh Mang Yang K. phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Hoang Anh Mang Yang K. Aphivath Caoutchouc Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

